

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HS-ST**
Ngày: 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/HSST – QĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử số 02/2020/TB – TA ngày 31/12/2020 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/TB – TA ngày 07/01/2021 đối với bị cáo:

Phạm Huy H, sinh năm 1995 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn AP, xã DB, huyện AD, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh H, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2020 (có mặt).

- ***Bị hại:*** Lê Thị Thanh T, sinh năm 1969 và ông Phan Đình N, sinh năm 1972. (bà T có mặt, ông N vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu 3, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Đoàn Lê T1, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

2. Trần Đình C, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người làm chứng:***

1. Lê Hồng H, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

2. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967; (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 7, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai
3. Lê Thị Đ, sinh năm 1953. (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 3, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Huy H có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Phan Đình N và bà Lê Thị Thanh T.

Vào tháng 07/2018, Phạm Huy H đến nhà ông Phan Đình N để đòi tiền nợ và có ở lại nhà ông N khoảng 04 đến 05 ngày. Trong thời gian này vợ chồng ông N, bà T có công việc phải đi về tỉnh Phú Yên một thời gian và có gửi lại chìa khóa nhà cho bà Nguyễn Thị T2 để bà T2 ở nhà dạy kèm cho học sinh.

Ngày 15/7/2018, bà Nguyễn Thị T2 về nhà mình và có giao lại chìa khóa nhà cho Phạm Huy H. Lợi dụng lúc gia đình ông N đi vắng không có người trông coi, Phạm Huy H đã liên hệ với ông Trần Đình C nói là nhà của người anh đã bán và chuyển nhà đi nơi khác nên cần bán một số vật dụng trong nhà và nhờ ông Trần Đình C tìm người bán hộ. Nghe vậy, ông C giới thiệu ông Đoàn Lê T1 đến nhà ông N, bà T để xem tài sản và thỏa thuận giá mua bán một số đồ dùng trong nhà ông N, bà T với giá 15.000.000 đồng.

Tài sản bị thiệt hại bao gồm:

- 01 tủ gỗ đựng giày, dép, loại gỗ Giá ty, kích thước cao 1m20, rộng 45cm, dài 1m22.
- 01 bộ bàn ăn giả cổ gồm 01 bàn và 06 ghế dựa bằng gỗ Giá ty, kích thước 40cm x 40cm, cao 1m08.
- 01 bộ tranh tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai) thêu IQ Đà Lạt, kích thước 30 x 80cm.
- 01 tượng gỗ ông Di Lặc, loại gỗ đỏ, kích thước 40x60x50cm.
- 01 tủ lạnh hiệu Toshiba dung tích 360 lít, màu đen, sản xuất năm 2013.
- 01 cặp lục bình gỗ cắt sắt, kích thước 30x1m20.
- 01 cặp lục bình gỗ Huỳnh đàn, kích thước 10x30cm.
- 01 tủ kính nuôi cá kiếng, kích thước 60x1m20x80cm.
- 01 ấm nấu nước bằng điện, hiệu Caly
- 04 bình rượu thủy tinh loại 40 lít (có 02 bình ngâm sâm cau).
- 06 tượng bằng đồng gồm các con Tỳ hưu, cá, gà, kích thước 5x7cm.

Phạm Huy H khai nhận đã bán cho ông Đoàn Lê T1 những tài sản sau với giá 15.000.000 đồng, bao gồm:

- 01 bộ bàn ghế làm bằng gỗ (gồm 01 bàn và 06 ghế dựa);
- 01 cặp lục bình lớn bằng gỗ cao khoảng hơn 01m;
- 01 cặp lục bình nhỏ bằng gỗ cao khoảng 30cm đến 40cm;
- 01 kệ gỗ để giày dép;
- 01 tủ kính nuôi cá kiếng;
- 01 tượng gỗ ông Di Lặc;

- 01 tủ lạnh hiệu Toshiba;

Ngoài việc bán tài sản của gia đình ông N, bà T cho ông Đoàn Lê T1, Phạm Huy H còn khai nhận có cho ông Đoàn Lê T1 01 bộ tranh tứ quý và 01 số con giáp như Tỳ hưu, cá, gà và cho ông Trần Đình C 04 bình rượu, còn 01 ấm nước hiệu Caly thì H không biết ai lấy và cũng không cho ai.

Ông Đoàn Lê T1 khai nhận chỉ mua của Phạm Huy H những tài sản sau, gồm:

- 01 tủ gỗ đựng giày, dép, loại gỗ Giá ty;
- 01 bộ bàn ăn giả cổ gồm 01 bàn và 06 ghế dựa bằng gỗ Giá ty;
- 01 tủ kính nuôi cá kiếng;
- 01 tủ lạnh hiệu Toshiba.

Sau khi mua được những tài sản trên thì ông T1 thuê xe ô tô tải mang biển số 61C-3358 do ông Lê Hồng H điều khiển đến nhà ông N, bà T để chở về nhà. Tài sản do ông T1 mua đã bị Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại chủ sở hữu gồm: 01 tủ gỗ đựng giày, dép, loại gỗ Giá ty; 01 bộ bàn ăn giả cổ gồm 01 bàn và 06 ghế dựa bằng gỗ Giá ty; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba. Riêng tủ kính nuôi cá kiếng, do vận chuyển bị bể vỡ, hư hỏng không sử dụng được đã bỏ và bị thất lạc.

Ông Đoàn Lê T1 khai nhận ông không mua thêm những tài sản khác và cũng không xin thêm, không lấy thêm bộ tranh tứ quý và 01 số con giáp Tỳ hưu, cá, gà như H khai.

Ông Trần Đình C khai nhận ông không xin và cũng không lấy 04 bình rượu như H khai.

Kết quả định giá tài sản: Kết luận định giá tài sản số 59/KL.HĐGTS ngày 30/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận về giá trị của tài sản tại thời điểm bị xâm phạm (đã trích khấu hao) như sau:

- 01 tủ gỗ đựng giày, dép, loại gỗ Giá ty, kích thước cao 1m20, rộng 45cm, dài 1m22, có giá trị: 3.800.000đ.
- 01 bộ bàn ăn giả cổ gồm 01 bàn và 06 ghế dựa bằng gỗ Giá ty, kích thước 40cm x 40cm, cao 1m08, có giá trị: 16.500.000đ.
- 01 bộ tranh tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai) thêu IQ Đà Lạt, kích thước 30 x 80cm, có giá trị: 12.000.000đ.
- 01 tượng gỗ ông Di Lặc, loại Gỗ đỏ, kích thước 40x60x50cm, có giá trị: 5.800.000đ.
- 01 tủ lạnh hiệu Toshiba dung tích 360 lít, màu đen, sản xuất năm 2013, có giá trị: 9.500.000đ.
- 01 cặp lục bình gỗ Cứt sắt, kích thước 30x1m20, có giá trị: 3.800.000đ.
- 01 cặp lục bình gỗ Huỳnh Đàn, kích thước 10x30cm, có giá trị: 300.000đ.
- 01 tủ kính nuôi cá kiếng, kích thước 60x1m20x80cm, có giá trị: 1.000.000đ.
- 04 bình rượu thủy tinh loại 40 lít (có 02 bình ngâm sâm cau), có giá trị: 7.800.000đ.
- 06 tượng bằng đồng gồm các con Tỳ hưu, cá, gà, kích thước 5x7cm, có giá trị: 12.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản do Phạm Huy H trộm cắp, gây thiệt hại là: 72.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 122/CT-VKSTP-ĐN ngày 22/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Huy H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức án đối với bị cáo Phạm Huy H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Thanh T và ông Phan Đình N đã nhận lại những tài sản gồm 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn tròn và 06 ghế dựa), 01 tủ gỗ đựng giày dép. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bị can Phạm Huy H pH bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị buộc bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Lê T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng mà ông T1 đã bỏ ra để mua những tài sản do H bán. Vì vậy, đề nghị không xem xét.

Đối với hành vi của ông Đoàn Lê T1, Trần Đình C, Lê Hồng H khi đến mua và vận chuyển tài sản do Phạm Huy H bán không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên không xử lý trách nhiệm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận cũng không bào chữa cho hành vi của mình. Bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của những

người khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 09 giờ ngày 15/7/2018, tại khu 3, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai, Phạm Huy H có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà Lê Thị Thanh T gồm: 01 tủ để giày, dép loại gỗ Giá ty; 01 bộ bàn ăn loại gỗ Giá ty; 01 bộ tranh tứ quý thêu IQ Đà Lạt; 01 tượng gỗ Di Lặc loại gỗ Gõ đỏ; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 cặp lục bình loại gỗ Cứt sắt; 01 cặp lục bình loại gỗ Huỳnh đàn; 01 tủ kính nuôi cá kiếng; 04 bình rượu sâm cau; 06 tượng đồng gồm các con Tỳ hưu, cá, gà, với tổng giá trị là 72.500.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng số 122/CT-VKSTP-ĐN ngày 22/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi do bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây bức xúc, lo sợ, hoang mang, dao động, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết pH xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện đầu thú, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ này để tuyên mức án phù hợp với bị cáo và nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4]. Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Đình N và bà Lê Thị Thanh T không yêu cầu bồi thường đối với những tài sản đã nhận lại gồm 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn tròn và 06 ghế dựa), 01 tủ gỗ đựng giày dép. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thanh T yêu cầu bị cáo Phạm Huy H phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền là 42.700.000đ, bị hại bà T đồng ý với số tiền nêu trên. Vì vậy, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Phan Đình N và bà Lê Thị Thanh T số tiền 42.700.000đ.

Ông Đoàn Lê T1 có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng mà ông T1 đã bỏ ra để mua những tài sản do bị cáo bán. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của ông Đoàn Lê T1, Trần Đình C, Lê Hồng H khi đến mua và vận chuyển tài sản do Phạm Huy H bán không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên không xử lý trách nhiệm là phù hợp.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.135.000đ (42.700.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Huy H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo Phạm Huy H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Phạm Huy H phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Phan Đình N và Lê Thị Thanh T số tiền 42.700.000đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Huy H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.135.000đ (hai triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Phi

